

Số: 45 /BC-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo 6 tháng cuối năm 2018
(*Báo cáo trình HĐND tỉnh Khóa XVIII tại Kỳ họp thứ 5*)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Năm 2018 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018, ngay từ đầu năm UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các nghị quyết của HĐND tỉnh về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước. Chú trọng phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, tinh giản biên chế; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí...

Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, trọng tâm là những việc lớn có sức lan tỏa, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong các ngành, lĩnh vực. Các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh đồng thuận, đổi mới sáng tạo và hành động quyết liệt, do vậy kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm đã đạt được kết quả khá toàn diện, nổi bật trên hầu hết các lĩnh vực.

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tiếp tục đà tăng trưởng năm 2017, kinh tế 6 tháng đầu năm 2018 tiếp tục phát triển tích cực. Tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt mức cao nhất từ trước đến nay, đạt 13,3%⁽¹⁾, xếp thứ 5/63 tỉnh, thành và đứng đầu trong 14 tỉnh vùng Trung du và Miền núi phía Bắc. Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, công nghiệp - xây dựng tăng 21,6% (công nghiệp tăng 23,9%, xây dựng tăng 11,0%), dịch vụ tăng 6,8%.

Quy mô GRDP của tỉnh (theo giá hiện hành) đạt 40.055 tỷ đồng, đạt 48,3% kế hoạch; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 8.370 tỷ đồng, công nghiệp - xây dựng đạt 20.205 tỷ đồng, dịch vụ đạt 11.000 tỷ đồng, thuế sản phẩm ước đạt 480 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, chiếm 51,1%; dịch vụ chiếm 27,8%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 21,1%.

¹ 03 tỉnh có GRDP tăng trưởng cao hơn là Hà Tĩnh 32,0%, Bắc Ninh 16,9%, Hải Phòng 16,3%.

2. Sản xuất công nghiệp

UBND tỉnh tập trung chỉ đạo đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng các KCN, CCN để đẩy mạnh thu hút đầu tư⁽²⁾; chủ động nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh, triển khai các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả các hoạt động khuyến công, tư vấn, hỗ trợ phát triển công nghiệp. Do vậy, sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng mạnh, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp cao nhất trong nhiều năm gần đây⁽³⁾.

Các ngành sản xuất đều có tăng khá, các dự án thu hút đầu tư từ những năm trước đã đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả góp phần quan trọng cho tăng trưởng toàn ngành. Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng (IIP) bằng 124% so với cùng kỳ⁽⁴⁾ (cùng kỳ bằng 119,3% năm 2016). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với những ngành, sản phẩm quan trọng tiếp tục là động chính cho tăng trưởng⁽⁵⁾. Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng (giá 2010) đạt 53.840 tỷ đồng, tăng 25,6%, đạt 46,4% kế hoạch; trong đó: Khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 1.750 tỷ đồng, tăng 29,0%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 7.795 tỷ đồng, tăng 18,0%; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 44.285 tỷ đồng, tăng 27,0%⁽⁶⁾.

Khu vực (FDI) chiếm tỷ trọng chi phối trong giá trị sản xuất công nghiệp, tỷ trọng tiếp tục tăng (hiện chiếm 82,3%, tăng 0,9%). Hầu hết các doanh nghiệp FDI đều có mức tăng khá, trong đó nổi bật là khoảng 10 doanh nghiệp có giá trị sản xuất trên 1.000 tỷ đồng đóng góp lớn cho tăng trưởng⁽⁷⁾. Sản lượng của các doanh nghiệp nhà nước lớn như: Nhà máy nhiệt điện Sơn Động, Công ty MTV Than 45, Công ty đạm Hà Bắc... tăng mạnh góp phần đưa giá trị sản xuất Khu vực doanh nghiệp nhà nước có mức tăng cao nhất trong 3 khu vực kinh tế. Trong khi đó, Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước nhìn chung ổn định, giá trị sản xuất có mức tăng cao hơn so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 12,1%).

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tích cực triển khai các đề án, chính sách hỗ trợ sản xuất, chú trọng hỗ trợ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; chủ động các phương án phòng, chống, khắc phục thiệt hại cho cây trồng, vật nuôi; thực hiện dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu; tập trung tu sửa, nạo vét kênh, mương đảm bảo cung cấp nước cho sản xuất; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới⁽⁸⁾... Do vậy, sản xuất nông nghiệp 6 tháng đạt kết quả khá, tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt 2,9% (cùng kỳ đạt 2,0%), trong đó nông nghiệp tăng 2,7%,

² Ban hành Đề án quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"; "Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020"; thành lập 03 Cụm công nghiệp mới...

³ Tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp 6 tháng năm 2017 tăng 18,3%, năm 2016 tăng 15,3%, năm 2015 tăng 10,2%.

⁴ Trong đó: Ngành khai khoáng bằng 124,2%, ngành chế biến chế tạo bằng 124,0%, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa bằng 131,3%, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải bằng 76,5%.

⁵ Chỉ số IIP một số ngành sản xuất lớn như: ngành sản xuất sản phẩm điện tử bằng 136,2%, ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại bằng 119,9%; Ngành sản xuất hóa chất bằng 128,8%; Ngành sản xuất thiết bị điện bằng 134,0%...

⁶ Theo ngành sản xuất: Công nghiệp khai thác đạt 285 tỷ đồng, tăng 25,7%; Công nghiệp chế biến đạt 52.810 tỷ đồng, tăng 25,5%; Công nghiệp sản xuất, phân phối điện đạt 675 tỷ đồng, tăng 41,9%; Công nghiệp khai thác, cung cấp nước đạt 65 tỷ đồng, tăng 2,5%.

⁷ Một số doanh nghiệp có giá trị sản xuất lớn và tăng trưởng khá như: Công ty Fuhong đạt 14.500 tỷ đồng, tăng 25,1%, Công ty Hosiden Việt Nam đạt 4.355 tỷ đồng, tăng 43,3%, Công ty Si Flex đạt 3.300 tỷ đồng tăng 107,3%, Công ty Vina Solar đạt 2.345 tỷ đồng, tăng 143,6%; Công ty Trina Solar đạt 1.280 tỷ đồng gấp 12 lần so với cùng kỳ...

⁸ UBND tỉnh đã ban hành quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020; Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương; Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn tỉnh...

lâm nghiệp tăng 5,1%, thủy sản tăng 6,1%. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá 2010) đạt 10.410 tỷ đồng, tăng 2,9%.

3.1. Nông nghiệp

Ngành nông nghiệp trong điều kiện thời tiết khá thuận lợi, các chính sách phát triển trồng trọt, chăn nuôi của tỉnh phát huy hiệu quả. Sản lượng vải sớm tăng 67%, sản lượng rau màu các loại tăng 7%... đã góp phần quan trọng đưa giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp cao hơn cùng kỳ (cùng kỳ tăng 2,0%).

- *Ngành trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông - Xuân đạt 98.710 ha, bằng 97,3%; năng suất lúa và các loại cây trồng tiếp tục được nâng lên⁽⁹⁾ so với cùng kỳ⁽¹⁰⁾. Cơ cấu các loại cây trồng được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao⁽¹¹⁾. Sản lượng vải thiều năm 2018 đạt 215 nghìn tấn, tăng 115 nghìn tấn so với cùng kỳ, trong đó vải sớm đạt 36 nghìn tấn, vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 92 nghìn tấn.

Sản xuất quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị có xu hướng tăng, các quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, Global GAP, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... được phổ biến và nhân rộng⁽¹²⁾. Các địa phương đã thực hiện dồn điền, đổi thửa giao ruộng xong trên thực địa được 3.422ha, đạt 48% kế hoạch.

- *Ngành chăn nuôi*: Chăn nuôi có sự chuyển biến về tổ chức sản xuất theo hướng chăn nuôi trang trại, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao⁽¹³⁾. Công tác kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y, thủy sản được quan tâm chỉ đạo, trên địa bàn không có dịch bệnh lớn phát sinh. Tổng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh tăng, trong đó đàn lợn 1,132 triệu con, tăng 0,7%, đàn gà 12,6 triệu con, tăng 1,3%. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 133,5 nghìn tấn, bằng 99%, đạt 58% kế hoạch. Hiện nay giá lợn, gà tăng lên, người dân bắt đầu tái đàn; tuy nhiên, việc tái đàn còn chậm.

3.2. Thủy sản

Phát triển thủy sản theo hướng VietGAP, an toàn sinh học được mở rộng, đến nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 500 ha được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP. Một số mô hình sản xuất mới đã được triển khai cho kết quả khả quan có thể nhân rộng như: Mô hình sản xuất giống cá rô phi Đài Loan áp dụng công nghệ chuyển đổi hoocmone giới tính; mô hình nuôi siêu thâm canh “sông trong ao” (IPA). Sản lượng khai thác thủy sản đạt 21.210 tấn, tăng 7%, đạt 49,3% kế hoạch.

3.3. Sản xuất lâm nghiệp

Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ phát triển rừng được quan tâm. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn. Trong 6 tháng, toàn tỉnh đã trồng được 4.950 ha rừng tập trung, đạt 99% kế

⁹ So với cùng kỳ, năng suất lúa ước đạt 60,5 tạ/ha, bằng 100%; sản lượng thóc ước đạt 306.160 tấn, bằng 98%; năng suất Ngô ước đạt 39,5 tạ/ha, tăng 0,5%, sản lượng đạt 31.618 tấn, bằng 96%...

¹⁰ Trong đó, diện tích lúa cấy đạt 50.605 ha, bằng 97,6% so, Diện tích ngô đạt 7.995 ha, bằng 95,4%.

¹¹ Diện tích lúa chất lượng đạt 16.882 ha, chiếm 33,4% diện tích lúa, tăng 5,5%; diện tích rau chế biến, rau an toàn 5.850 ha, tăng 3%; diện tích vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP ước đạt 13.885 ha, tăng 7,6% (chiếm 49% tổng diện tích cây vải); Diện tích cây cam đạt 4.502 ha, tăng 46%...

¹² Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 165 mô hình cánh đồng mẫu lớn, tăng 47 mô hình; 41 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tăng 20 mô hình.

¹³ Đến nay trên địa bàn tỉnh có 39 HTX hoạt động về lĩnh vực chăn nuôi lợn và gia cầm; có 38 cơ sở liên kết nuôi gia công cho các Công ty như: CP DABACO, JAJA, RTD; hình thành một số chuỗi chăn nuôi lợn sạch, lợn an toàn tại Tân Yên, Hiệp Hòa,...

hoạch. Sản lượng khai thác gỗ 6 tháng đầu năm đạt 280.000 m³, tăng 6,1%, bằng 70% kế hoạch. Công tác quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Số vụ vi phạm về chặt phá rừng tự nhiên trái phép và tình trạng cháy rừng giảm mạnh⁽¹⁴⁾. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 37,3%, bằng 100% kế hoạch.

3.4. Xây dựng nông thôn mới

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục được tập trung cao. UBND tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh, xây dựng Đề án "Chương trình mỗi xã một sản phẩm" giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030; chỉ đạo nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới ở các xã đạt chuẩn nhất là các tiêu chí liên quan trực tiếp đến người dân như: thu nhập, tổ chức sản xuất, giao thông nông thôn, vệ sinh môi trường, nước sạch... Trong 6 tháng, có 04 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế có 72 xã, đạt tỷ lệ 35,4% (cả nước đạt 38,6%); số tiêu chí bình quân đạt 14 tiêu chí/xã. Thành phố Bắc Giang và huyện Việt Yên có 100% xã được công nhận đạt chuẩn, hiện đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị Chính phủ công nhận thành phố Bắc Giang hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Việt Yên đạt chuẩn huyện Nông thôn mới⁽¹⁵⁾

4. Dịch vụ

Ngành dịch vụ tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa các loại hình; giá trị sản xuất dịch vụ (giá 2010) đạt 10.630 tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ.

4.1. Hoạt động thương mại

Hoạt động kinh doanh thương mại duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đạt 11.997 tỷ đồng, tăng 12,5%, đạt 47% kế hoạch. Các lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra phát hiện, bắt giữ, xử lý nhiều mặt hàng cấm, hàng nhập lậu từ biên giới⁽¹⁶⁾.

Công tác xúc tiến tiêu thụ vải thiều và các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh tiếp tục được đổi mới, sáng tạo và hiệu quả. Trong đó đã tổ chức thành công Diễn đàn kinh tế về sản xuất, tiêu thụ vải thiều và nông sản chủ lực, đây là hoạt động xúc tiến thương mại có quy mô lớn nhất từ trước đến nay và nhận được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trong cả nước và các đối tác thương mại. Vải thiều tiêu thụ khá thuận lợi, giá vải bình quân khoảng 16.000 đ/kg; doanh thu đạt 3.440 tỷ đồng, doanh thu từ các dịch vụ hỗ trợ khác đạt 2.293 tỷ đồng⁽¹⁷⁾. Xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc khoảng 67.500 tấn, doanh thu đạt 118,5 triệu USD.

Giá trị xuất nhập khẩu thông qua Chi cục Hải quan Bắc Giang tiếp tục tăng cao; giá trị xuất khẩu 6 tháng đạt 3.140 triệu USD, tăng 17,0%, đạt 40,3% kế hoạch; nhập khẩu đạt 3.000 triệu USD, tăng 20,5%, đạt 40,0% kế hoạch. Hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu cho sản xuất, gia công hàng xuất khẩu như: may mặc, sản xuất linh kiện điện tử, máy móc thiết bị...

¹⁴ Xảy ra 10 vụ vi phạm về chặt phá rừng tự nhiên trái phép, giảm 85 vụ; diện tích bị phát 7,95 ha, giảm 39,5 ha; xảy ra 06 vụ cháy rừng, giảm 8 vụ, làm thiệt hại 4,32 ha, giảm 14,62 ha.

¹⁵ đã cơ bản hoàn thành 8/9 tiêu chí, riêng tiêu chí môi trường dự kiến hoàn thành trong tháng 8/2018).

¹⁶ Tính đến ngày 10/6/2018, lực lượng chức năng đã tổ chức kiểm tra 920 vụ, thực hiện xử lý 826 vụ vi phạm. Tổng số tiền xử phạt VPHC, tiền bán hàng tịch thu và trị giá hàng hóa tiêu hủy gần 7 tỷ đồng (Số tiền đã nộp Kho bạc Nhà nước 6,4 tỷ đồng).

¹⁷ Thùng xốp, đá cây, vận tải, ngân hàng và dịch vụ khác...

4.2. Dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm

Dịch vụ tài chính, ngân hàng tiếp tục phát triển. Trên địa bàn hiện có 19 chi nhánh ngân hàng cấp 1; 12 chi nhánh ngân hàng cấp 2; 73 phòng giao dịch và 20 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở thực hiện kinh doanh tiền tệ. Giá trị tăng thêm ngành dịch vụ tài chính ngân hàng và bảo hiểm (giá 2010) đạt 780 tỷ đồng, tăng 7,7%. Hoạt động tín dụng trên địa bàn có nhiều khởi sắc, tăng trưởng tín dụng cao hơn cùng kỳ, nợ xấu được kiểm soát. Tính đến 30/6/2018, tổng nguồn vốn huy động đạt 42.445 tỷ đồng, tăng 4.860 tỷ đồng (12,3%); dư nợ tín dụng đạt 42.875 tỷ đồng, tăng 4.045 tỷ đồng (10,4%) so với 31/12/2017; nợ xấu còn 335 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,78% tổng dư nợ, giảm 0,22% so với 31/12/2018.

4.3. Dịch vụ giao thông vận tải và bưu chính, viễn thông

Dịch vụ giao thông vận tải tiếp tục phát triển, UBND tỉnh tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng giao thông; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo trì đường bộ; tập trung hỗ trợ triển khai Trung tâm Logistics quốc tế thành phố Bắc Giang, một số dự án cảng đường sông; đưa tuyến xe buýt Bắc Giang - Chùa Vĩnh Nghiêm - Tây Yên Tử vào hoạt động.... Bên cạnh đó, sản xuất kinh doanh thuận lợi, nhu cầu vận chuyển, xây dựng và nhu cầu đi lại của người lao động, người dân tăng cao đã góp phần nâng giá trị tăng thêm ngành dịch vụ vận tải kho bãi (giá 2010) đạt 680 tỷ đồng, tăng 6,8%. Khối lượng vận chuyển hành khách đạt trên 12,9 triệu lượt người, tăng 6,7%, khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt trên 14,4 triệu tấn, tăng 18,3%.

Hạ tầng bưu chính viễn thông tiếp tục được đầu tư theo hướng hiện đại với công nghệ cao. Các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư phát triển, nâng cấp hạ tầng mạng lưới, mở rộng các loại hình dịch vụ (3G, 4G). Thông tin liên lạc thông suốt, từng bước đáp ứng yêu cầu trong chỉ đạo điều hành và nhu cầu của nhân dân. Giá trị tăng thêm ngành viễn thông đạt 830 tỷ đồng, tăng 4,9%.

4.4. Dịch vụ du lịch

Công tác quảng bá phát triển du lịch được quan tâm. Tập trung xây dựng cơ chế chính sách, triển khai các chính sách về du lịch⁽¹⁸⁾; tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển du lịch; đẩy nhanh tiến độ dự án du lịch trọng điểm Khu du lịch sinh thái - tâm linh Tây Yên Tử; hỗ trợ nhà đầu tư nghiên cứu xây dựng quần thể Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí tại Hồ Khuôn Thần huyện Lục Ngạn, khu du lịch sinh thái khe Hang Dầu... Trong 6 tháng, toàn tỉnh có khoảng 950 nghìn lượt khách du lịch, tăng 14,5%, đạt 63,3% kế hoạch.

5. Thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác thu ngân sách được triển khai đồng bộ, quyết liệt ngay từ đầu năm. UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai các biện pháp nhằm quản lý, khai thác triệt để các nguồn thu, tăng cường thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ đọng tiền thuế; triển khai áp dụng hệ thống dịch vụ thuế điện tử (Etax), đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đạt 5.103 tỷ đồng, bằng 80,1% dự toán, tăng 74,2%; trong đó thu nội địa đạt 4.639 tỷ đồng, bằng 91,5% dự toán, tăng

¹⁸ Ban hành kế hoạch tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư du lịch tỉnh Bắc Giang năm 2018, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

90,4%, thu nội địa trừ tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết đạt 1.709 tỷ đồng, bằng 54,5% dự toán, tăng 30,1%. Có 11/15 chỉ tiêu, khu vực thu đạt trên 50% dự toán⁽¹⁹⁾; 05/16 chỉ tiêu, khu vực thu đạt dưới 50% dự toán⁽²⁰⁾. Tính riêng trong 5 tháng đầu năm, tiến độ thu ngân sách nội địa của tỉnh đứng đầu cả nước (*bình quân cả nước đạt 77,5%*), thu nội địa trừ tiền sử dụng đất đứng thứ 19/63 tỉnh thành (*bình quân cả nước 45,8%*). Tổng chi ngân sách nhà nước đạt 6.660 tỷ đồng, tăng 28,4%, bằng 50,1% dự toán; trong đó, chi thường xuyên đạt 3.945 tỷ đồng, tăng 7,6%, bằng 49,1% dự toán.

Công tác thu hồi, xử lý nợ đọng thuế được triển khai quyết liệt với nhiều biện pháp và đạt được kết quả nhất định⁽²¹⁾. Tổng số nợ đọng thuế tính đến 30/6/2018 là 532,3 tỷ đồng, tăng 40,9 tỷ đồng (*trong đó tiền phạt chậm nộp thuế là 150 tỷ đồng*)⁽²²⁾.

6. Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 16.085 tỷ đồng, đạt 39,7% kế hoạch, tăng 13,0% so với cùng kỳ; trong đó vốn khu vực nhà nước đạt 2.145 tỷ đồng, tăng 47,2%; vốn khu vực ngoài nhà nước đạt 10.855 tỷ đồng tăng 7,7%; vốn đầu tư nước ngoài đạt 3.085 tỷ đồng, tăng 14,3%.

6.1. Thực hiện kế hoạch đầu tư công

Công tác quản lý đầu tư và xây dựng được quan tâm, chỉ đạo từ quy hoạch, xây dựng kế hoạch, phân bổ vốn, quản lý đầu tư và xây dựng, triển khai khác phục những tồn tại hạn chế về chấp hành pháp luật về đấu thầu trên địa bàn tỉnh theo kết quả giám sát của HĐND tỉnh. UBND tỉnh đã chỉ đạo hoàn thành các thủ tục khởi công mới dự án Đường vành đai IV (*Hà Nội*); Đường nối từ ĐT293 vào cảng Mỹ An...; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư trọng điểm như: Đường tỉnh 293 đoạn bổ sung (*đoạn km73+300-Km86+996*); Cải tạo, nâng cấp ĐT 295; hạ tầng và Nhà thi đấu thể thao tỉnh; Khu số 1, số 2 thuộc Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang...

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 đến ngày 30/6/2018 là 5.562 tỷ đồng (*bao gồm cả vốn của các bộ ngành Trung ương*)⁽²³⁾. Tỷ lệ khối lượng thực hiện và giải ngân đạt cao hơn cùng kỳ; giá trị khối lượng thực hiện đạt 3.155 tỷ đồng, bằng 57% kế hoạch; giá trị giải ngân đạt 2.950 tỷ đồng, bằng 53% kế hoạch (*cùng kỳ thực hiện đạt 41,5%, giải ngân đạt 35,5% kế hoạch vốn*). Tính riêng 5 tháng đầu năm, tỷ lệ giải ngân của tỉnh đứng thứ 17 cả nước.

Nợ đọng XDCB nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh được tập trung chỉ đạo xử lý quyết liệt. Chủ tịch UBND tỉnh đã giao trách nhiệm người đứng đầu trong việc xử lý nợ đọng XDCB thông qua việc chấm điểm, đánh giá, xếp loại cuối năm. Nợ đọng xây dựng giảm mạnh, nợ đọng XDCB đến ngày 31/5/2018 là 408,7 tỷ đồng, giảm 194,3 tỷ đồng (*giảm 32,3%*).

¹⁹ Một số khoản thu tăng cao như: Thu tiền SDD đạt 2.850 tỷ đồng, đạt 149,6% dự toán, tăng 156,5%; tiền thuế đất 80 tỷ đồng, đạt 122,0% dự toán, tăng 66,1%...

²⁰ Thu từ doanh nghiệp FDI đạt 304 tỷ đồng, đạt 46,9%, tăng 19,5%; Thu từ DNNN Trung ương 192 tỷ đồng, đạt 45,9%, tăng 19,0%; Thu từ DNNN Địa phương 43 tỷ đồng, đạt 41,1%, tăng 15,2%, phí lệ phí 55 tỷ đồng, đạt 40,7% dự toán, bằng 89,4%...

²¹ Thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp đối với 5.577 lượt doanh nghiệp; ban hành 270 quyết định cưỡng chế; làm việc với 63 doanh nghiệp có số thuế nợ lớn kéo dài... Thu nợ tính đến 30/6/2018 được 120 tỷ đồng tiền nợ đọng thuế có khả năng thu năm 2017 chuyển sang, đạt 50,6%.

²² DNNN Trung ương nợ 42,4 tỷ đồng, DNNN địa phương 150,4 tỷ đồng, doanh nghiệp FDI nợ 32,8 tỷ đồng, doanh nghiệp ngoài quốc doanh 284,3 tỷ đồng và hộ kinh doanh cá thể 22,4 tỷ đồng.

²³ Trong đó: vốn đầu tư do tỉnh quản lý là 5.431 tỷ đồng, vốn đầu tư của bộ, ngành Trung ương quản lý là 131 tỷ đồng

6.2. Huy động các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu

Công tác huy động các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông được đặc biệt quan tâm, đạt được một số kết quả quan trọng⁽²⁴⁾. Toàn tỉnh hiện đang triển khai thực hiện 07 dự án BT, với tổng mức đầu tư khoảng 3.037 tỷ đồng; đã có 02 dự án được khởi công và triển khai đảm bảo tiến độ theo hợp đồng; các dự án còn lại đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà đầu tư. Ngoài ra, UBND tỉnh đang nghiên cứu triển khai bổ sung thêm 08 dự án BT về giao thông, tổng mức đầu tư khoảng 1.746 tỷ đồng.

Công tác phát triển đô thị được quan tâm, phát triển theo quy hoạch, trọng tâm là các khu đô thị, khu dân cư mới. Trong 6 tháng, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư 4 dự án khu đô thị, khu dân cư với tổng mức đầu tư trên 480 tỷ đồng, 01 dự án nhà ở thương mại, tổng mức đầu tư trên 220 tỷ đồng. Đến nay toàn tỉnh có 17 đô thị⁽²⁵⁾, tỷ lệ dân số đô thị đạt 14,9%.

UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hỗ trợ cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn trên địa bàn tỉnh năm 2018. Đã triển khai thực hiện hỗ trợ 54.200 tấn xi măng, đạt 25,4%, cứng hoá được 230 km, bằng 25,3% kế hoạch năm 2018.

6.3. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

a. Cải thiện môi trường đầu tư

UBND tỉnh tiếp tục xác định cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2018. Triển khai Nghị quyết 19-2018/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2018 và những năm tiếp theo; tổ chức rà soát, đánh giá tổng thể, toàn diện về các dự án đã thu hút đầu tư của tỉnh và triển khai xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư; tổ chức đánh giá sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 73-NQ/TU của Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh... Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh tiếp tục được cải thiện, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2017 đạt 62,2 điểm, xếp hạng 30/63 tỉnh, thành phố (tăng 03 bậc so với năm 2016), xếp thứ 4/14 tỉnh trong vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

b. Thu hút đầu tư

Tính đến 30/6/2018, toàn tỉnh cấp mới và điều chỉnh cho 118 dự án đầu tư, bằng 95,9%, tổng số vốn đăng ký quy đổi đạt 312 triệu USD, bằng 17,3% so với cùng kỳ; trong đó: Cấp mới 59 dự án đầu tư trong nước, bằng 90,77%, tổng vốn đăng ký 783 tỷ đồng, bằng 3,3%, điều chỉnh tăng vốn cho 6 dự án trong nước với số vốn tăng thêm đạt 354 tỷ đồng; cấp mới 30 dự án FDI, bằng 90,9%, vốn đăng ký 109,5 triệu USD bằng 21,3%, điều chỉnh 23 dự án FDI với tổng vốn tăng thêm là 142,1 triệu USD. Mặc dù kết quả thu hút vốn FDI đạt thấp hơn so với cùng kỳ, song vẫn nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về số dự án và số vốn thu hút mới⁽²⁶⁾.

²⁴ Đã chỉ đạo xây dựng Báo cáo sơ kết thực hiện Nghị quyết về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nghị quyết về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, Đề án chuyển đổi, di dời theo quy hoạch đô thị đối với một số diện tích đất do các tổ chức kinh tế đang sử dụng trên địa bàn thành phố Bắc Giang...

²⁵ gồm: 01 đô thị loại II là TP. Bắc Giang; 02 đô thị loại IV là TT. Chũ và TT. Thắng; còn lại là 14 đô thị loại V.

²⁶ Tính riêng trong 5 tháng, số dự án FDI cấp mới của tỉnh đứng thứ 6 cả nước, vốn đăng ký mới, bổ sung và góp vốn của các doanh nghiệp FDI đứng thứ 13 cả nước.

Các dự án đầu tư được cấp mới trong nước tập trung chủ yếu vào lĩnh vực thương mại dịch vụ với 46 dự án (chiếm 78,0%), vốn đăng ký 502 tỷ đồng (chiếm 64,1%), 9 dự án trong lĩnh vực công nghiệp (chiếm 15,3%), tổng vốn đăng ký đạt 210 tỷ đồng (chiếm 26,8%) và 04 dự án trong lĩnh vực nông nghiệp (chiếm 8,5%), tổng vốn đăng ký 71 tỷ đồng (chiếm 9,1%). Trong khi đó các dự án FDI chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp với 29 dự án (chiếm 96,7%), vốn đăng ký đạt 109,3 triệu USD (chiếm 99,8%). Vốn thực hiện của các dự án đầu tư trong nước đạt khoảng 2.650 tỷ đồng, tăng 20,5%; vốn FDI đạt 137 triệu USD, tăng 14,3% so với cùng kỳ.

c. Phát triển doanh nghiệp

Tính đến 30/6/2018, có 614 doanh nghiệp được thành lập mới, bằng 97,5% cùng kỳ, đạt 41,0% kế hoạch (đúng thứ 17/63 tỉnh thành và thứ 1/14 tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc). Tổng số vốn đăng ký là 5.043 tỷ đồng, bằng 75,4% so với cùng kỳ. Tổng vốn thực hiện của các doanh nghiệp đạt 3.080 tỷ đồng, tăng 6,7%. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 86 đơn vị.

Tích cực triển khai tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch. Đến nay đã cơ bản chuyển đổi xong Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; rà soát, xây dựng phương án và lộ trình chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần đối với 07 đơn vị; hoàn thiện hồ sơ thoái vốn tại Công ty cổ phần xây dựng giao thông. Thực hiện xong các bước giải thể Công ty lâm nghiệp Sơn Động và đã sắp xếp tinh gọn được 02 công ty thủy nông⁽²⁷⁾.

Tiếp tục quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn. Từ đầu năm đến nay đã có 52 HTX thành lập mới, gấp 2 lần so với cùng kỳ; trong đó có 40 HTX thuộc lĩnh vực nông nghiệp, gấp 2,7 lần, 12 HTX thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp, tăng 33,3%⁽²⁸⁾.

7. Công tác quản lý tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý đất đai được tăng cường⁽²⁹⁾. Trong 6 tháng đầu năm 2018, toàn tỉnh đã cấp được 212 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, với diện tích 143ha, đạt 212% kế hoạch; cấp mới 6.065 giấy chứng nhận cho các hộ gia đình, cấp đổi 5.065 giấy, đạt 35,2% kế hoạch; cấp được 19.679 giấy chứng nhận sau dồn điền, đổi thửa với diện tích 3.183 ha, đạt 27,8%.

Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng được tập trung cao. Các địa phương đã thu hồi, bồi thường và chuyển mục đích khoảng 190/684 công trình, dự án với tổng diện tích khoảng 350 ha, trong đó có khoảng 310/1.359ha đất trồng lúa. Tích cực tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ bồi thường, GPMB các dự án trọng điểm⁽³⁰⁾. Tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chuyển mục đích sử dụng 157,7 ha đất trồng lúa sang thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

²⁷Giảm được 48 lao động, tiết kiệm được khoảng 2,5 tỷ đồng/năm.

²⁸ Tổng số HTX đang hoạt động đến 15/5 là 629 HTX, trong đó: lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản là 404 HTX; lĩnh vực phi nông nghiệp là 205 HTX; Quỹ tín dụng nhân dân là 20 Quỹ.

²⁹ Tổ chức công khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối tỉnh Bắc Giang; ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; quy định một số điểm cụ thể về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh...

³⁰ Dự án KCN Vân Trung đã bồi thường GPMB được 130,86 ha/132,06 ha, đạt 99,1%; KCN Song Khê - Nội Hoàng 49,7/49,7ha, đạt 100%; Dự án hạ tầng, kho bãi Logistics quốc tế thành phố Bắc Giang 67,13/67,87 ha, đạt 98,9%, Nhà máy nhiệt điện An Khánh 43,86/44,82 ha, đạt 97,9%; Dự án Khu đô thị Phía Nam thành phố Bắc Giang khu số 6, số 7 được 19,8/45,7 ha, đạt 43,3%;

Công tác bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước được chú trọng. Tiếp tục thực hiện nghiêm Kết luận 43-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương, chỉ đạo giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn. Triển khai quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Bộ tiêu chí đánh giá, lựa chọn nhà đầu tư; triển khai các bước lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác thải thành phố Bắc Giang. Kiểm tra, xử lý các hoạt động gây ô nhiễm môi trường theo phản ánh của người dân⁽³¹⁾. Quản lý chặt chẽ việc khai thác khoáng sản trên địa bàn, tập trung tuần tra, kiểm soát ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, đặc biệt là khai thác đất san lấp mặt bằng và khai thác cát, sỏi lòng sông. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 59,5%, tăng 2,3% so với năm 2017.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục triển khai sáp nhập một số trường tiểu học, THCS có quy mô nhỏ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực, cơ sở vật chất hiện có. Quy mô trường, lớp ổn định, phát triển hợp lý. Toàn tỉnh hiện có 822 cơ sở giáo dục (*giảm 10 cơ sở so với năm học 2016-2017*). UBND tỉnh tập trung nguồn lực thực hiện Đề án xây dựng cơ sở vật chất mầm non giai đoạn 2015-2010; đề án đẩy mạnh tin học và ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường phổ thông giai đoạn 2017-2020...; đồng thời tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất⁽³²⁾. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 86,5%, tăng 1,7%, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 83,2%, tăng 2,0%.

Triển khai rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhân sự ở các cơ sở giáo dục; tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ có chuyển biến tích cực⁽³³⁾. Toàn tỉnh có 2.280 cán bộ quản lý, 23.280 giáo viên, 2.480 nhân viên (*giảm 53 cán bộ quản lý, 111 nhân viên*). Triển khai đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cấp học để có kế hoạch bồi dưỡng và tinh giản biên chế theo quy định.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học, đánh giá học sinh tiểu học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giáo dục học sinh trung học theo hướng mở, tích hợp liên môn, tổng hợp, kết hợp lý thuyết với thực hành; tăng cường giáo dục nhân cách, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật và ý thức công dân cho học sinh, sinh viên... Chất lượng giáo dục duy trì ổn định, giữ vững trong top dẫn đầu trong cả nước⁽³⁴⁾. Công tác quản lý đối với các khoản thu trong dạy thêm, học thêm và các khoản thu đầu năm học được tăng cường, có chuyển biến tích cực.

dự án xây dựng cầu Đồng Sơn và đường dẫn lên cầu 43,37ha/43.87 ha, bằng 98,9%; dự án tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn 21,4/22ha, đạt 97,3%; Dự án Khu văn hóa Tâm linh Tây Yên Tử 48/87,59 ha, đạt 54,8%.

³¹ Trong 6 tháng, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 06 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với 11 tổ chức và 02 cá nhân với tổng số tiền xử phạt là 1,7 tỷ đồng, số TNMT quyết định xử phạt 7 tổ chức với số tiền 435 triệu đồng.

³² Ngân sách tỉnh hỗ trợ 31,3 tỷ đồng xây mới phòng học mầm non, 1,3 tỷ đồng hỗ trợ mua sắm đồ dùng, thiết bị dạy học cho nhóm trẻ trong trường tư thục và nhóm trẻ độc lập tư thục. Đã phối hợp với tổ chức KFHI Hàn Quốc bàn giao đưa vào sử dụng nhà vệ sinh và hệ thống lọc nước tạo trường Tiểu học Lê Hồng Phong, TP Bắc Giang.

³³ Hiện tỷ lệ giáo viên/lớp ở mầm non đạt 1,74 GV/lớp (*tăng 0,3*) tiểu học đạt 1,44 GV/lớp (*tăng 0,01*); THCS 2,06 GV/lớp (*tăng 0,04*), THPT 2,25 (*bằng 100%*).

³⁴ Thi HSG văn hóa cấp quốc gia đạt 57 giải, trong đó có 02 giải nhất, 11 giải nhì, 16 giải ba, 28 giải khuyến khích. Đặc biệt có 01 học sinh giành huy chương vàng trong kỳ thi Olympic Vật lý Châu Á - Thái Bình Dương.

2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

UBND tỉnh đã tiếp tục tập trung đầu tư phát triển về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế⁽³⁵⁾. Các Bệnh viện, Trung tâm y tế tiếp tục được đầu tư phát triển về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, phát triển các khoa, phòng mang tính chuyên sâu, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ; đồng thời, triển khai thực hiện cơ chế tự chủ⁽³⁶⁾. Tỷ lệ số xã/phường/thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế là 94,7%, tăng 3,8%; số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 24,6 giường (tăng 1,6 giường), đạt 100% kế hoạch.

Các bệnh viện tích cực ứng dụng, phát triển kỹ thuật cao, thực hiện cải cách hành chính; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ⁽³⁷⁾; chất lượng công tác khám chữa bệnh tiếp tục được nâng lên. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn được chủ động triển khai, hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm từ tỉnh đến xã duy trì hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2018, trên địa bàn không có dịch bệnh lớn, nguy hiểm, các bệnh truyền nhiễm có số mắc thấp hơn và tương đương so với cùng kỳ năm 2017. Công tác quản lý hành nghề y được tư nhân được tăng cường⁽³⁸⁾.

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm có chuyển biến tích cực. Chỉ đạo triển khai hoạt động truyền thông, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành về ATTP đối với các cơ sở thực phẩm. Đã kiểm tra, phát hiện 427 cơ sở có vi phạm về ATTP, tiến hành xử phạt 45 vụ vi phạm, số tiền trên 120 triệu đồng, nhắc nhở khắc phục 382 cơ sở; trên địa bàn không xảy ra ngộ độc thực phẩm tập thể.

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 45-KH/TU của Tỉnh ủy về công tác dân số trong tình hình mới. Tính đến 30/6/2018, dân số là 1.678.000 người; số trẻ em sinh ra là 12.150 trẻ, giảm 88 trẻ. Tỷ số giới tính khi sinh nam/100 nữ là 113, giảm 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ. Toàn tỉnh có 1.563.710 người tham gia BHYT, đạt tỷ lệ bao phủ 93,5 %, tăng 4,2% so với cùng kỳ, tăng 1,5% so với 31/12/2017.

3. Văn hóa, thể thao, thông tin

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về việc chấn chỉnh thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, đáp ứng nhu cầu của nhân dân⁽³⁹⁾. Công tác bảo tồn phát huy di sản văn hóa dân tộc được tăng cường gắn với tăng cường quản lý, chỉ đạo và tổ chức lễ hội. Tập trung triển khai quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà; tổ chức thành công lễ khai hội xuân Tây Yên Tử...

Phong trào thể dục thể thao gắn với Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục duy trì và phát triển mẽ cả về số lượng và

³⁵ Đã hoàn thành đưa vào sử dụng Khối nhà khối điều trị nội trú, Bệnh viện đa khoa tỉnh; cơ bản hoàn thành Bệnh viện nội tiết 100 giường; đang hoàn chỉnh thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án Khối nhà trung tâm, các khoa còn lại của Bệnh viện đa khoa tỉnh.

³⁶ Đến nay cơ bản các bệnh viện công lập trên địa bàn đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về mặt tài chính (chi thường xuyên).

³⁷ Trong 6 tháng ngành y tế đã cử 36 cá nhân tham gia đào tạo kỹ thuật mới; cử đi đào tạo sau đại học 02 trường hợp; 6 trường hợp đi học trình độ đại học, 122 đào tạo trình độ cao đẳng.

³⁸ Thanh tra 02 bệnh viện và 05 Phòng khám Đa khoa, nhắc nhở và khắc phục tồn tại 07 cơ sở, đình chỉ một phần hoạt động chuyên môn kỹ thuật 21 cơ sở và thu hồi, hủy 09 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

³⁹ Đã tổ chức thành công Chương trình nghệ thuật đặc biệt gắn với bắn pháo hoa tại Quảng trường 3/2 thành phố Bắc Giang chào đón năm mới Mậu Tuất 2018 Liên hoan hát Quan họ tỉnh Bắc Giang lần thứ V...

chất lượng, thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia; thể thao thành tích cao có nhiều tiến bộ⁽⁴⁰⁾. UBND tỉnh đang chỉ đạo chuẩn bị tốt lực lượng vận động viên tham dự Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VIII năm 2018.

Công tác quản lý các hoạt động thông tin, báo chí được tăng cường, bám sát chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; định hướng, hướng dẫn các nhà báo, phóng viên cộng tác viên của các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác ứng dụng CNTT tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tỉnh Bắc Giang luôn xếp hạng khá về mức độ sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT⁽⁴¹⁾.

4. Khoa học và công nghệ

Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường. Chất lượng đề tài, dự án hiệu quả hơn, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương. Toàn tỉnh hiện đang triển khai 63 nhiệm vụ khoa học công nghệ, trong đó có 03 nhiệm vụ cấp quốc gia; 32 nhiệm vụ cấp tỉnh; 28 nhiệm vụ cấp cơ sở. Bên cạnh đó, tỉnh có thêm 09 nhiệm vụ cấp quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận. Các hoạt động ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ được đẩy mạnh, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn...

Công tác xây dựng thương hiệu và quảng bá thương hiệu được quan tâm, qua đó làm tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Đã tổ chức trao văn bằng bảo hộ nhãn hiệu trong nước và nước ngoài cho một số sản phẩm nông sản của tỉnh như: mỳ Chũ, mỳ Ké, gà đồi Yên Thế, vải thiều Lục Ngạn, bưởi Hiệp Hòa, chè Yên Thế, rau sạch Yên Dũng, vú sữa Tân Yên.

5. Tình hình đời sống nhân dân, lao động, việc làm và chính sách xã hội

Đời sống nhân dân cơ bản ổn định; các chế độ chính sách đối với người có công, đảm bảo an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, phát huy hiệu quả⁽⁴²⁾. Các chính sách giảm nghèo tiếp tục được thực hiện tích cực, đời sống nhân dân ổn định từng bước được nâng lên⁽⁴³⁾. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo đẩy nhanh thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg, ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động quản lý nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội được tăng cường. Thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp ổn định, các chế độ chính sách Bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động đối với người lao động đã được doanh nghiệp quan tâm, số vụ đình công, ngừng việc tập thể giảm so với cùng kỳ⁽⁴⁴⁾. Tính đến 31/5/2018, toàn tỉnh có 2.280 doanh nghiệp đóng BHXH cho người lao động (*chiếm khoảng 61% doanh nghiệp đang hoạt động*); có 217.200 người tham gia bảo hiểm xã hội, 200.064 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Nợ BHXH đến 30/6/2018 là 135 tỷ đồng (*giảm 6,3 tỷ đồng*).

⁴⁰ Đã tổ chức thành công 08 giải thể thao cấp tỉnh; đã tham gia thi đấu 19 giải thể thao trong nước và quốc tế, giành 100 huy chương các loại (26 HCV, 29 HCB, 45 HCD), trong đó VĐV Nguyễn Thị Oanh xuất sắc giành 02 HCD tại giải Vô địch điền kinh Châu Á trong nhà, 36 lượt vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia.

⁴¹ Theo báo cáo ICT Index năm 2017, Bắc Giang xếp hạng thứ 21/63 tỉnh, thành phố, trong đó mức độ ứng dụng CNTT xếp thứ 14/63 tỉnh thành trong cả nước

⁴² Trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018, toàn tỉnh đã thăm, tặng 158.276 suất quà với tổng kinh phí gần 50 tỷ đồng. Đến hết tháng 6/2018, toàn tỉnh thực hiện trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 58.492 đối tượng.

⁴³ Tính đến 31/12/2017, toàn tỉnh có 42.734 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,53% và 35.730 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 7,96%.

⁴⁴ 6 tháng đã xảy ra 10 vụ đình công, ngừng việc tập thể với sự tham gia của khoảng 11.000 người lao động, giảm 02 vụ.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm tiếp tục được quan tâm⁽⁴⁵⁾; 6 tháng đầu năm 2018, các cơ sở dạy nghề đã tuyển sinh và đào tạo trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên cho 12.108 người đạt 42,5% kế hoạch, tăng 54% so với cùng kỳ. Số lao động được tạo việc làm là 16.610 người, đạt 55,3% kế hoạch, tăng 12,4%; trong đó xuất khẩu lao động 2.205 người, đạt 46,9% kế hoạch, tăng 19,2%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 3,5%, giảm 0,3%.

III. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH

1. Công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực hiệu quả điều hành của nhà nước

Công tác cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước tiếp tục được tập trung chỉ đạo. UBND tỉnh đã xếp hạng và đánh giá công tác cải cách hành chính năm 2017 cho các sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các huyện, thành phố⁽⁴⁶⁾; tăng cường rà soát, cắt giảm từ 25-30% thời gian giải quyết đối với tất cả các thủ tục hành chính có thời hạn giải quyết từ 15 ngày trở lên; triển khai 100% thủ tục hành chính của các sở, ngành tại Trung tâm hành chính công tỉnh... Toàn tỉnh có 2.127 thủ tục hành chính trong đó có 1.912 dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2; 667 dịch vụ mức độ 3; 103 dịch vụ mức độ 4 được cung cấp trên trang thông tin điện tử. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Trung tâm hành chính công đã tiếp nhận xử lý 30.047 hồ sơ, trong đó tiếp nhận mới 25.463 hồ sơ, đã giải quyết đúng và trước hạn 29.052 hồ sơ đạt tỷ lệ 96,7%.

Công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, nâng cao năng lực hiệu quả điều hành được thực hiện quyết liệt. Tập trung kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm tính thông suốt trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực⁽⁴⁷⁾. Tăng cường sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 140-NQ/TU ngày 22/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁽⁴⁸⁾. Tiếp tục tổ chức rà soát, xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức⁽⁴⁹⁾

2. Công tác tư pháp, thi hành án dân sự

Các hoạt động xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát nâng cao chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm. Ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2014-2018, quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành. Tập trung tuyên truyền, phổ biến, thực hiện rà soát văn bản liên quan đến Bộ Luật Hình sự năm 2015.

Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác thi hành án dân sự và Chỉ thị số 09-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự. Kết quả

⁴⁵ Đã phân bổ 8 tỷ đồng kế hoạch vốn Chương trình MTQG đào tạo nghề cho 3.090 lao động nông thôn.

⁴⁶ Chỉ số PAPI năm 2017 đạt 33,17 điểm, đứng thứ 26/63 tỉnh, thành phố, giảm 15 bậc so với năm 2016; Chỉ số cải cách hành chính Parindex năm 2017 đạt 82,74 điểm, tăng 2,43 điểm, đứng thứ 13/63 tỉnh thành, giữ nguyên thứ bậc so với năm 2016.

⁴⁷ Đến nay, có 20 sở, cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh, số lượng phòng, chi cục thuộc một số sở, ngành giảm so với trước như: Sở Tài nguyên và Môi trường (giảm 01 phòng), Sở Tài chính (giảm 01 phòng), Sở Ngoại vụ (giảm 01 phòng). ..

⁴⁸ Kết quả đến nay đã rà soát 258 đơn vị, giảm 20 đơn vị sự nghiệp, sáp nhập Trường Cao đẳng Nghề vào trường Cao đẳng Công nghệ Việt - Hàn; sáp nhập 28 trường tiểu học và THCS thành 14 trường Tiểu học và THCS

⁴⁹ Đến nay, toàn tỉnh có 2.121 cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên, trong đó trình độ đại học trở lên chiếm 2.047 người (96,5%); Cán bộ, công chức cấp xã: 4.970 người trong đó, cán bộ cấp xã: 2.305 người; công chức cấp xã: 2.665 người; số cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn là 4.900/4.970 (đạt 98,6%).

thi hành án dân sự có chuyển biến tích cực, toàn tỉnh đã thụ lý 8.860 vụ việc, tăng 2,1%, với số tiền 982 tỷ đồng, giảm 2,8%; đã giải quyết xong 4.061 vụ việc, đạt tỷ lệ 67,9%, tăng 4,9%; tổng số tiền gần 105 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 20,3%, tăng 9,3%.

3. Công tác thanh tra, chống tham nhũng

Công tác phòng chống tham nhũng tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt. Tập trung triển khai thực hiện Thông báo số 282-TB/TU của Thường trực Tỉnh uỷ về đẩy mạnh nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thanh tra trên địa bàn toàn tỉnh và các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về kê khai, công khai minh bạch tài sản thu nhập theo quy định. Các ngành Thanh tra, Ban Nội chính Tỉnh uỷ, UBKT Tỉnh uỷ, Sở Nội vụ, Cục thuế, Kho bạc Nhà nước Bắc Giang và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký Quy chế phối hợp số 01/QCPHLN-TTr-BNC-UBKT-SNV-CT-KBNN-NHNN trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện các quyết định, kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra.

Công tác thanh tra đã đạt được kết quả nhất định, đã triển khai 54 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội tại 136 đơn vị (*tăng 04 cuộc*); 81 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 684 tổ chức, cá nhân (*tăng 05 cuộc*). Phát hiện sai phạm với tổng số tiền 18,2 tỷ đồng (*tăng 5,7 tỷ đồng*). Thu hồi về ngân sách nhà nước 5 tỷ đồng; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán và xử lý bằng các biện pháp tài chính khác 13,2 tỷ đồng; xử lý hành chính đối với 6 tập thể, 65 cá nhân có sai phạm.

4. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC tiếp tục được chỉ đạo sát sao. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC trên địa bàn; thành lập Tổ công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; tập trung xem xét, giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp⁽⁵⁰⁾...

Trong 6 tháng, toàn tỉnh đã tiếp 3.766 lượt người, tăng 24% đến đề nghị giải quyết 2.765 vụ việc, tăng 26,7%; tiếp nhận 3.209 đơn, giảm 5,7%; số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết là 1.380 đơn; đã xem xét giải quyết xong 1.168 đơn, đạt tỷ lệ 84,6%, tăng 1,3%. Qua giải quyết khiếu nại đã thu hồi về cho nhà nước 309 triệu đồng và 41m² đất; trả lại cho công dân 261 triệu đồng và 2.230m² đất; xử lý hành chính 07 cá nhân có sai phạm.

5. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Công tác quốc phòng của tỉnh đã được triển khai đồng bộ, toàn diện, chủ động quản lý, nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức Hội nghị tổng kết 24 năm thực hiện pháp lệnh bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; tổng kết công tác Phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn năm 2017 và triển khai nhiệm vụ năm 2018, tổng kết 15 năm pháp lệnh động viên công nghiệp... Các huyện, thành phố đã tổ chức tốt Lễ giao nhận quân năm 2018 đúng nghi lễ, nhanh, gọn, an toàn, đảm bảo chỉ tiêu.

⁵⁰ Tổng số quyết định, kết luận giải quyết KNTC phải tổ chức thực hiện là 122; đã thực hiện xong 91 quyết định, kết luận, đạt tỷ lệ 74,5%, giảm 6% so với cùng kỳ; có 21 vụ việc KNTC đông người, phức tạp, đã giải quyết 15/21 vụ việc.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Bộ Luật Hình sự năm 2015, Chỉ thị số 11-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường bảo đảm trật tự trên địa bàn tỉnh. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm, tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm hình sự, ma túy, tệ nạn xã hội, phòng chống trộm cắp, cháy nổ cho nhân dân... Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định, tội phạm về trật tự xã hội được kiềm chế, không xảy ra án đặc biệt nghiêm trọng⁽⁵¹⁾.

Công tác quản lý các hoạt động đối ngoại được tăng cường⁽⁵²⁾. Chủ động mở rộng các quan hệ hợp tác, phát triển với các đối tác nước ngoài, các tổ chức quốc tế, tăng cường quảng bá hình ảnh, nét đẹp văn hóa của địa phương ra nước ngoài⁽⁵³⁾. Đã phê duyệt tiếp nhận mới 02 dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài với tổng giá trị viện trợ trên 695 nghìn USD, tăng 137,2%, tiếp nhận 04 khoản viện trợ phi dự án với tổng giá trị đạt 640 triệu đồng, tăng 128,2% so với cùng kỳ.

6. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông có nhiều cố gắng, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông; ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác thống kê, báo cáo số liệu tai nạn giao thông, chỉ đạo triển khai 04 đợt cao điểm bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Tình trạng xe quá khổ quá tải đã có chuyển biến tích cực. Trong 6 tháng, các lực lượng chức năng đã kiểm tra, xử lý 35.440 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 6.147 phương tiện các loại, tước 5.978 giấy phép lái xe, phạt thu nộp ngân sách 21 tỷ đồng. Trên địa bàn tỉnh xảy ra 244 vụ tai nạn giao thông, tăng 126 vụ, làm chết 117 người, tăng 64 người, bị thương 190 người, tăng 77 người so với cùng kỳ.

Công tác phòng cháy chữa cháy được tăng cường, chỉ đạo thành lập đoàn công tác liên ngành kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy đối với một số cơ sở trọng điểm có nhiều nguy cơ về cháy nổ trên địa bàn. Trong 6 tháng, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 20 vụ cháy, giảm 14 vụ so với cùng kỳ, thiệt hại khoảng 13,5 tỷ đồng và 04 ha rừng.

B. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. VỀ HẠN CHẾ

1. Lĩnh vực kinh tế, đầu tư xây dựng và tài nguyên môi trường

Phát triển công nghiệp ngày càng phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI. Doanh nghiệp trong nước chưa tham gia được vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Một số ngành sản xuất công nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn⁽⁵⁴⁾. Ngành may mặc có mức tăng nhẹ song có xu hướng giảm dần. Sản xuất phân đạm vẫn trong tình trạng thua lỗ.

⁵¹ Toàn tỉnh xảy ra 308 vụ phạm tội về trật tự xã hội, tăng 9 vụ, làm chết 13 người, tăng 5, bị thương 89 người, tăng 25 người, thiệt hại tài sản trị giá 6,8 tỷ đồng, tăng 400 triệu đồng so với cùng kỳ 2017.

⁵² Quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế số 07-QC/TU ngày 01/02/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh Bắc Giang; Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và trình tự, thủ tục xuất cảnh đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

⁵³ Đã tiếp một số đoàn ngoại giao đến từ một số nước như: Đại sứ Trung Quốc, Đại sứ Nhật Bản, Đại sứ Ấn Độ, Tùy viên Đại sứ quán Hàn Quốc và Tổng Giám đốc Công ty Samsung Việt Nam, đoàn cán bộ hành chính thành phố Icheon, Hàn Quốc...

⁵⁴ Chỉ số ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi bằng 87,5% (do những tháng đầu năm giá sản phẩm chăn nuôi xuống thấp); ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic bằng 75,9%; Ngành hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải bằng 76,53% so cùng kỳ....

Các ngành dịch vụ phát triển chưa tương xứng, chưa có ngành dịch vụ mũi nhọn, phát triển đột phá; tăng trưởng dịch vụ thấp hơn cùng kỳ (*cùng kỳ đạt 8,2%*). Tình hình buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trên địa bàn vẫn diễn biến phức tạp.

Kết quả thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế. Việc tích tụ đất đai, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao với quy mô lớn, nông nghiệp sạch còn gặp nhiều khó khăn.

Nợ đọng thuế được quan tâm xử lý quyết liệt song vẫn tăng so với thời điểm 31/12/2017. Công tác giao chi tiết kế hoạch vốn một số chương trình, dự án thuộc Chương trình MTQG còn chậm. Công tác giải phóng mặt bằng một số dự án lớn, nhất là giao thông, hạ tầng khu công nghiệp còn gặp khó khăn, tiến độ chậm⁽⁵⁵⁾. Hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp chưa đồng bộ, chưa được đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải theo quy định⁽⁵⁶⁾.

Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh chưa được cải thiện nhiều, chưa tương xứng với sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh. Công tác thẩm định cấp giấy chứng nhận đầu tư một số dự án còn chậm. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng. Công tác quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp còn lỏng lẻo, việc thoái vốn tại các doanh nghiệp còn chậm.

Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế dẫn đến dễ xảy ra một số sai phạm về xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, BHXH, phòng cháy chữa cháy...

Công tác quản lý nhà nước, giám sát hoạt động đấu thầu nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa được thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Tính cạnh tranh trong đấu thầu còn hạn chế, thực hiện đấu thầu qua mạng kết quả chưa cao.

Các quy hoạch còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, quy hoạch chi tiết xây dựng còn thiếu; tiến độ một số dự án khu dân cư, khu đô thị mới chấp thuận cho các nhà đầu tư triển khai chậm. Công tác quản lý cấp phép xây dựng, vật liệu xây dựng còn hạn chế. Tỷ lệ xây dựng nhà ở tại các khu đô thị, khu dân cư đạt thấp. Kết quả cứng hóa đường giao thông nông thôn đạt thấp so với kế hoạch; một số địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn vốn đối ứng từ nhân dân.

Những tồn tại hạn chế được chỉ ra qua thanh tra về quản lý đất đai ở một số huyện chậm được khắc phục. Tiến độ cấp đổi giấy chứng nhận cho các hộ gia đình và giấy chứng nhận sau dồn điền đổi thửa còn chậm. Việc quản lý quỹ đất công ích tại một số địa phương còn buông lỏng, hiệu quả sử dụng đất của một số doanh nghiệp nhà nước thấp⁽⁵⁷⁾.

Tình trạng vệ sinh môi trường nông thôn chuyển biến chậm; tồn lưu rác thải trên địa giáp ranh ở một số địa phương chưa được giải quyết triệt để⁽⁵⁸⁾. Công tác triển khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại một số địa phương gặp nhiều khó khăn. Việc xả thải vi phạm quy định về môi trường diễn biến phức tạp. Công tác quản lý bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa tốt; tình trạng

⁵⁵ Dự án đường vành đai IV (Hà Nội) vướng mắc nhiều về GPMB, tiến độ chậm. Tiến độ một số dự án BT, KCN Quang Châu, KCN Vân Trung (phần diện tích do Công ty TNHH S&G làm chủ đầu tư), Trung tâm Logistic thành phố Bắc Giang, Nhà máy Nhiệt điện An Khánh còn chậm.

⁵⁶ Đến nay chưa có CCN xây dựng hoàn thiện trạm xử lý nước thải tập trung.

⁵⁷ Toàn tỉnh hiện có 5.858 ha đất công ích, tuy nhiên mới có 3.473 ha (59,3%) có hồ sơ quản lý theo quy định.

⁵⁸ Đến ngày 31/5/2018, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 48 điểm tồn lưu rác thải khắp các tuyến đường, kênh mương, ao hồ, đặc biệt là các điểm giáp ranh giữa các xã với khối lượng khoảng 300m³ rác thải.

khai thác trái phép, sai phép đất, cát, sỏi lòng sông, bãi bồi vẫn diễn ra, gây thất thoát tài nguyên nhưng chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

Việc chỉ đạo, quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ năm học tại một số địa phương, đơn vị còn chưa chủ động. Công tác quản lý trường mầm non tư thục, đặc biệt là nhóm lớp độc lập tư thục còn gặp nhiều khó khăn. Việc bố trí đội ngũ giáo viên ở một số địa phương còn bất cập, chưa hợp lý.

Công tác xã hội hóa y tế tiến độ chậm, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét. Chất lượng khám chữa bệnh ở một số cơ sở còn hạn chế; khám chữa bệnh cho đối tượng BHYT còn có những bất cập.

Chưa có nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia hoạt động nghiên cứu - ứng dụng KH&CN. Việc triển khai một số dự án KH&CN gặp nhiều khó khăn do việc lựa chọn địa bàn, đất đai gặp khó khăn.

Tình trạng doanh nghiệp sai phạm về các quy định an toàn vệ sinh lao động, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn còn xảy ra. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em tại một số địa phương chưa thực sự được quan tâm. Công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH gặp nhiều khó khăn, nhất là đối tượng tham gia BHXH tự nguyện ở khu vực nông thôn còn rất thấp.

Công tác quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch tại cơ sở còn có mặt hạn chế. Tình trạng cờ bạc trá hình vẫn xảy ra ở một số lễ hội, hiện tượng mất cắp cổ vật còn diễn ra ở một số điểm di tích. Việc đặt tên đường, tên phố, địa điểm công cộng ở một số địa phương còn tùy tiện, chưa đúng quy định.

Triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" chưa có nhiều đổi mới, có nội dung chậm, lúng túng, dàn trải, thiếu đồng bộ, việc đăng ký các danh hiệu văn hóa có nơi hình thức.

3. Lĩnh vực nội chính

Công tác cải cách thủ tục hành chính đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên việc thực hiện thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực như: Đất đai, môi trường, xây dựng vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Việc liên thông, tích hợp dữ liệu, trao đổi thông tin giữa các cấp, các ngành còn hạn chế, chưa hiệu quả.

Công tác dự báo nắm tình hình chưa sâu sát, một số việc tham mưu giải quyết chưa kịp thời. Chất lượng tham mưu, kiểm tra, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản trình Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh còn hạn chế. Một số địa phương chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thậm chí có một số quy định được ban hành không đúng thẩm quyền.

Việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri còn chậm, chất lượng giải quyết chưa cao. Công tác triển khai một số chủ trương, chính sách của tỉnh nhất là về lĩnh vực văn hóa, xã hội tại cấp cơ sở còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Một số hạn chế, khuyết điểm chung trong công tác thanh tra chậm được khắc phục như: việc bố trí lực lượng, xây dựng kế hoạch và phương pháp tiến hành ở một số cuộc thanh tra chưa khoa học; tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản qua thanh tra còn

thấp. Công tác lãnh, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng chống tham nhũng ở một số đơn vị chưa được quan tâm đúng mức.

Chất lượng tiếp công dân tại cơ sở; công tác tuyên truyền phổ biến và thực thi pháp luật hiệu quả chưa cao; việc nắm bắt tình hình và giải quyết các điểm mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện còn bị động. Tình trạng công dân khiếu kiện tập trung thành đoàn vẫn diễn ra; một số vụ việc KNCTC được giải quyết chậm.

Tình hình sinh hoạt đạo trái pháp luật diễn biến phức tạp, đặc biệt tà đạo "Đức chúa Trời" lên lút hoạt động ở một số địa phương. Tình hình an ninh nông thôn, phạm pháp hình sự diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác quản lý hành lang an toàn giao thông gặp nhiều khó khăn.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chậm ban hành, thường xuyên thay đổi gây khó khăn nhất định cho các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện.

Hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng mở ra nhiều cơ hội song cũng không ít thách thức, trong khi năng lực tài chính, quản lý, công nghệ, khả năng cạnh tranh... của phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn còn thấp; chưa thích ứng kịp thời với những biến động của thị trường, chưa tham gia vào được chuỗi sản xuất.

2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực chỉ đạo, điều hành của một số địa phương, đơn vị có mặt chưa đáp ứng với yêu cầu; tính chủ động, ý thức trách nhiệm thực thi công vụ, vai trò tham mưu đề xuất của người đứng đầu một số sở, ngành, địa phương chưa cao, hiệu lực, hiệu quả thấp. Việc thực hiện công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa tốt; thiếu kiểm tra, đôn đốc trong xử lý các vi phạm nên để một số vụ việc chậm được xử lý, hiệu quả thấp.

Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ chưa chặt chẽ. Một bộ phận cán bộ công chức năng lực và trình độ chuyên môn còn yếu; việc nắm và vận dụng pháp luật trong thi hành công vụ hiệu quả chưa cao. Thái độ phục vụ của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đúng mực.

Việc đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư các KCN, CCN chưa quyết liệt. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư chậm được đổi mới, chưa có tác động tích cực vào việc thu hút dự án cụ thể, thiếu cách làm sáng tạo, hiệu quả.

Công tác quản lý nhà nước về cấp phép xây dựng còn thiếu sự chủ động, trách nhiệm chưa cao, chưa phát hiện kịp thời và xử phạt nghiêm đối với các dự án, công trình sai phạm. Trách nhiệm, chuyên môn của một số địa phương trong thực hiện nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng hạn chế, chưa sâu sát, quyết liệt, có nơi ngại va chạm.

Công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, chấp hành việc thu giá dịch vụ mới hạn chế. Việc theo dõi, xử lý vi phạm về xả thải có nơi còn chưa được quan tâm, chưa quyết liệt.

Phần thứ hai
MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO
THỰC HIỆN TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

I. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG VÀ CÁC MỤC TIÊU 6 THÁNG CUỐI NĂM

1. Dự báo tình hình

Dự báo tình hình sản xuất 6 tháng cuối năm tiếp tục thuận lợi, các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản được đảm bảo, tăng trưởng kỳ vọng sẽ vượt kế hoạch đề ra. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản sẽ tăng trưởng khá do Vải thiều được mùa, cam, bưởi tiếp tục tăng. Ngành công nghiệp tiếp tục tăng trưởng mạnh do một số doanh nghiệp lớn tiếp tục sản xuất ổn định và một số doanh nghiệp mới vào hoạt động. Ngành xây dựng tiếp tục tăng trưởng khá do việc giải ngân các dự án trọng điểm vốn đầu tư công, đầu tư tư nhân. Dịch vụ cơ bản duy trì tăng trưởng do khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử bắt đầu đưa vào khai thác, lĩnh vực ngân hàng tiếp tục có mức tăng trưởng tín dụng khả quan, thị trường bất động sản tăng trưởng cao.

Dự báo tốc độ tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2018 đạt 16,7%, trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 25,2%; dịch vụ tăng 9,5%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,6%. Ước năm 2018 tăng trưởng **đạt 15%**; trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 23,4%; dịch vụ tăng 8,2%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,7%.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

Dự báo năm 2018 có 16/17 chỉ tiêu chủ yếu thực hiện đạt và vượt mục tiêu đề ra, cụ thể như sau:

- *Về phát triển kinh tế:* (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) **đạt 15%**; (2) GRDP bình quân đầu người đạt 2.100 USD; (3) Thu ngân sách trên địa bàn đạt trên **8.582 tỷ đồng**; (4) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt trên 40 nghìn tỷ đồng; (5) Kim ngạch xuất khẩu đạt 7,8 tỷ USD, nhập khẩu 7,5 tỷ USD; (6) Giá trị sản xuất trên 1 ha đất nông nghiệp đạt 95-100 triệu đồng; (7) Số lượng khách du lịch đạt 2 triệu lượt người; (8) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 43,1%.

- *Về phát triển văn hóa - xã hội:* (9) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 85%; (10) Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 đạt 96,5%, số giường bệnh/vạn dân 24,6 giường, tỷ lệ người dân tham gia BHYT 97,2%; (11) Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá đạt 87%; làng, bản, tổ dân phố văn hoá đạt 70%; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới 39,7%; (12) Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2% so với năm 2017, còn 7,55%; trong đó các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%, còn 37,78%; (13) Số lao động được giải quyết việc làm 29.400 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62,5%.

- *Về môi trường:* (14) Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt 83%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93,6%; (15) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 60,5%, trong đó tỷ lệ chất thải rắn được thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 90,9%; (16) Tỷ lệ che phủ rừng (không tính diện tích cây ăn quả) đạt 37,3%.

Dự kiến có 01 chỉ tiêu không đạt kế hoạch: Tỷ lệ dân số đô thị 15,8%⁽⁵⁹⁾.

⁵⁹ Do việc mở rộng địa giới hành chính thành phố Bắc Giang, sát nhập một số xã vào thị trấn chưa thực hiện được.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, UBND tỉnh tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch số 07/KH-UBND; trong đó, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

1. Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển sản xuất, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; đẩy mạnh việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Tập trung chỉ đạo đối với các chỉ tiêu của ngành, lĩnh vực đạt thấp, phấn đấu cao nhất để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công năm 2019. Hoàn thiện các báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ; chuẩn bị tốt các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII tại các kỳ họp, tập trung giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp cận vốn ngân hàng để khởi nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh thực hiện cho vay vào các lĩnh vực ưu tiên như: Nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, ứng dụng công nghệ cao và các doanh nghiệp siêu nhỏ.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Tỉnh về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh tái cơ cấu trồng trọt theo hướng tập trung phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, phấn đấu huyện Việt Yên được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Tăng cường công tác chăm sóc bảo vệ, phòng cháy rừng. Thường xuyên kiểm tra phát hiện các sự cố về đê điều, đề xuất các phương án phòng tránh, xử lý khắc phục sự cố. Chủ động công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa bão.

2. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Nghiên cứu xây dựng phương án và tổ chức thực hiện việc đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện và thành phố hằng năm.

Hoàn thành việc rà soát, đánh giá các dự án đầu tư và triển khai xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển mạnh về số lượng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể chuyển sang thành lập doanh nghiệp.

Phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng nhất là hạ tầng giao thông và các khu, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư. Trong đó tập trung cao đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông như: Đường Vành đai IV, đường nối từ ĐT293 đi cảng Mỹ An; các cảng đường sông Bình Minh, Đồng Sơn, Mỹ An...; đôn đốc, hỗ trợ các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các Khu công nghiệp: Quang Châu, Song Khê - Nội Hoàng, Vân Trung, Hòa Phú và các Cụm công nghiệp: Yên Lư, Hợp

Thịnh, Hà Thịnh, Đại Lâm... Tạo điều kiện cho doanh nghiệp vào nghiên cứu, khảo sát, thành lập, xây dựng KCN tại xã Châu Minh và xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa...

Tập trung hỗ trợ các dự án đã chấp thuận chủ trương đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án để dự án sớm đi vào hoạt động, nhất là một số dự án lớn có tác động lan tỏa tới sự phát triển kinh tế của tỉnh như. Tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào khảo sát, nghiên cứu đầu tư một số dự án trọng điểm về phát triển du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi tại Hồ Khuôn Thần, huyện Lục Ngạn, Khu du lịch Đồng cao, huyện Sơn Động... Tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến đầu tư du lịch năm 2018, phân đấu thu hút được tập đoàn lớn đầu tư phát triển dịch vụ, nghỉ dưỡng tại một số khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng; quản lý chặt chẽ vốn đầu tư công

Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận thuế, trốn thuế. Rà soát toàn bộ các khoản thu thuế, lệ phí, tiếp tục tăng thu 6 tháng cuối năm, phấn đấu thu nội địa (*trừ thu tiền sử dụng đất*) vượt 10% dự toán. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế; công khai các doanh nghiệp nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng xuống dưới 5% tổng số thu ngân sách. Kiểm soát chi ngân sách nhà nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài sản công, hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; hoàn thiện thủ tục các bước chuẩn bị đầu tư để sớm triển khai các dự án cấp bách của tỉnh⁽⁶⁰⁾. Đẩy mạnh việc hỗ trợ cứng hóa đường giao thông nông thôn.

Tập trung chỉ đạo, hỗ trợ, đẩy nhanh tiến độ các dự án BT đang triển khai, phấn đấu hoàn thành dự án Cầu Đồng Sơn và đường dẫn lên cầu. Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư triển khai một số dự án BT trọng điểm, cấp bách.

Tổ chức khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trong Báo cáo giám sát việc chấp hành pháp luật đấu thầu của HĐND tỉnh. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện đấu thầu qua mạng, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động đấu thầu.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án phát triển đô thị. Tăng cường công tác lập, thẩm định quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng. Chấn chỉnh công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý, ngăn chặn hiệu quả các vi phạm trật tự xây dựng.

4. Tiếp tục phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm

Tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng, nghiên cứu việc sáp nhập các trường phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực, cơ sở vật chất hiện có. Tiếp tục rà soát, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp; triển khai kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên; thực hiện bố trí sắp xếp cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo cho năm học mới. Tổ chức tổng kết năm học 2017-2018 và triển khai năm học 2018-2019. Hoàn thành sửa đổi, bổ sung quy định thu sử dụng các khoản thu thỏa thuận, tự nguyện trong các cơ sở giáo dục công lập.

⁶⁰ Dự án khối nhà trung tâm, khoa truyền nhiễm - Bệnh viện đa khoa tỉnh, dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 17 đoạn qua Nghĩa Trung - Cao Thượng - Nhả Nham, dự án cầu vượt dân sinh qua quốc lộ 1A và cầu đi bộ qua quốc lộ 37 tại huyện Việt Yên.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch về công tác dân số trong tình hình mới. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, phát triển kỹ thuật cao, năng lực giám sát, phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, đồng thời tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát tạo chuyển biến rõ nét trong việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các cơ sở y tế công lập. Tăng cường kiểm tra hoạt động của các cơ sở y, dược ngoài công lập, việc sử dụng thuốc trong khám, chữa bệnh. Đẩy mạnh công tác thu, phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Thực hiện nghiêm Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang lễ hội và một số lễ nghi sinh hoạt cộng đồng khác trên địa bàn tỉnh.

Chủ động nắm chắc tình hình đời sống của nhân dân, nhất là đối với các hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, cận nghèo để có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, khu vực đặc biệt khó khăn. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng, hiệu quả các đề tài, dự án khoa học và công nghệ nhất là các dự án có khả năng ứng dụng và nhân rộng. Tiếp tục tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ các dự án thu hút đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai theo đúng tinh thần Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cấp huyện. Xây dựng danh mục, công trình dự án thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sang các mục đích khác năm 2019. Thực hiện nghiêm chỉ thị 04/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy nhanh tiến độ đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân; tăng cường công tác đo đạc bản đồ, đẩy nhanh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền, đổi thửa.

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai. Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi, di dời theo quy hoạch đô thị đối với một số diện tích đất do các tổ chức kinh tế đang sử dụng trên địa bàn thành phố Bắc Giang, giai đoạn 2018-2025; ban hành danh mục cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đối với 25 thửa đất do 19 doanh nghiệp đang quản lý.

Tiếp tục thực hiện nghiêm Kết luận 43-KL/TU ngày 11/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn. Hoàn thiện các thủ tục để sớm triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ cao tại thành phố Bắc Giang. Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền để triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Bắc Giang và các huyện. Hoàn thành và đưa

vào hoạt động dự án khắc phục ô nhiễm môi trường làng nghề nấu rượu truyền thống Vân Hà, huyện Việt Yên.

Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định báo cáo ĐTM đối với các dự án đầu tư, gắn với công tác hậu kiểm, hạn chế tình trạng vi phạm, gây ô nhiễm môi trường. Giải quyết dứt điểm tình trạng khai thác, tập kết đất đá, cát, sỏi trái phép. Giải tỏa, xóa bỏ các bến bãi tập kết, kinh doanh cát, sỏi nằm ngoài quy hoạch được duyệt.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách; đẩy mạnh cải cách hành chính

Triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin.

Nâng cao tính sáng tạo, chất lượng công tác tham mưu, xây dựng, thẩm định các cơ chế, chính sách, tạo sự chuyển biến, đột phá trên các lĩnh vực. Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chuyên viên, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, tạo chuyển biến trong việc nắm vững, vận dụng pháp luật trong thực thi công vụ.

Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính; thường xuyên rà soát, đơn giản hóa các thủ tục để giảm bớt chi phí, thời gian cho doanh nghiệp, người dân. Xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện; đề cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu đối với các cơ quan dân cử, nhân dân về các lĩnh vực như đất đai, tài chính, KNTC...

7. Tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 02/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC; làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; nắm bắt tình hình, giải quyết kịp thời các vụ việc, mâu thuẫn mới phát sinh ngay tại cơ sở; tập trung giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp không để phát sinh thành điểm nóng. Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức và ý thức, nhận thức của công dân trong việc giải quyết KNTC.

Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh; xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự. Chuẩn bị tốt các điều kiện Ban chỉ đạo Phòng không nhân dân Trung ương kiểm tra công tác phòng không nhân dân.

Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị số 11-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tập trung cao cho công tác đấu tranh, xử lý tội phạm đối với các đối tượng theo nhóm, xã hội đen, bảo kê...; nắm chắc tình hình ANTT tại các địa bàn trọng điểm về công nghiệp để có các biện pháp chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn phát sinh để không xảy ra các vấn đề phức tạp.

Tăng cường tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trật tự ATGT. Thống kê đầy đủ, chính xác số vụ tai nạn giao thông. Tiếp tục siết chặt kiểm soát trọng tải phương tiện. Tăng cường quản lý hành lang an toàn giao thông, kiên quyết xử lý

ng nghiêm các vi phạm. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống cháy, nổ.

8. Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện

Thực hiện phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan của Đảng, Hội đồng nhân dân các cấp trong việc kiểm tra, theo dõi, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện Kế hoạch.

Tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chỉ đạo tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, phát huy quyền làm chủ các tổ chức xã hội, hội, hiệp hội và của nhân dân trong mọi lĩnh vực, tạo sự đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về báo chí. Chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng và Nhà nước và những vấn đề dư luận quan tâm. Đấu tranh, phản bác thông tin sai sự thật, trái với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước, xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng dân chủ, đưa thông tin xấu, sai sự thật.

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của năm 2018, các cấp, các ngành cần phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp trọng tâm, năng động, sáng tạo, hành động quyết liệt phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. / *ly*

Nơi nhận: *ly*

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khoá XVIII;
- Các ĐB dự kỳ họp thứ 5 năm;
- Các Ban của Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Văn phòng TU, HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

* Bản điện tử:

- VP.UBND tỉnh;
- + LĐVP;
- + Các phòng chuyên viên, TKCT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



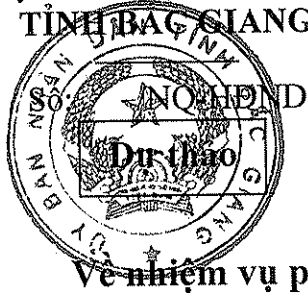
ly
Lại Thanh Sơn

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**



STT		Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng 2017	Kế hoạch năm 2018	ƯTH 6 tháng đầu năm 2018	UTH cả năm 2018	So sánh TH 6 tháng (%)	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	10,28	13,0	13,31	15,0	-	-
	Nông - Lâm, thủy sản	%	1,99	2,0	2,91	3,7	-	-
	Công nghiệp - Xây dựng	%	16,99	20,8	21,60	23,4	-	-
	<i>Trong đó: + Công nghiệp</i>	%	<i>18,28</i>	<i>22,9</i>	<i>23,86</i>	<i>25,7</i>	-	-
	<i>+ Xây dựng</i>	%	<i>11,17</i>	<i>11,0</i>	<i>11,04</i>	<i>13,5</i>	-	-
	Dịch vụ	%	8,33	8,5	6,77	8,2	-	-
	Thuế sản phẩm	%	7,86	10	6,82	7,8		
2	GRDP bình quân đầu người	USD	-	2.100	-	2.100	-	-
3	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	2.930	6.369	5.103	8.582	174,2	80,1
4	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	14.238	40.500	16.087	40.500	113,0	39,7
5	Kim ngạch xuất khẩu	10 ⁶ USD	2.684	7.800	3.140	7.800	117,0	40,3
	<i>Kim ngạch nhập khẩu</i>	<i>10⁶ USD</i>	<i>2.490</i>	<i>7.500</i>	<i>3.000</i>	<i>7.500</i>	120,5	40,0
6	Giá trị sản xuất trên 1ha đất sản xuất nông nghiệp	Triệu đồng	-	95-100	-	100	-	-
7	Tỷ lệ dân số đô thị	%	-	19,5	15,3	<i>15,8</i>	-	-
8	Số lượt khách du lịch đến tỉnh	10 ³ người	830	1.500	950	1.500	114,5	63,3
9	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	24,6	43,1	35,5	43,1	-	-
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	81,2	84,6	83,19	85,0	-	-
11	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020	%	90,9	96,5	94,8	96,5	-	-
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	23,0	24,6	24,6	24,6	107,0	100,0
	Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT	%	89,3	97,2	95,8	97,2	-	-
12	Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá	%	-	87	-	87	-	-
	Tỷ lệ làng, bản, tổ dân phố văn hoá	%	-	70	-	70	-	-
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	%	-	37,9	-	37,9	-	-
13	Tỷ lệ hộ nghèo	%	-	7,55	-	7,55	-	-
	Trong đó: Các xã đặc biệt khó khăn giảm %/năm	%	-	4,00	-	4,00	-	-
14	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	14.780	29.400	16.610	29.400	112,4	56,5
	Trong đó: Xuất khẩu lao động	Người	1.850	3.650	2.205	3.650	119,2	60,4
15	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	79,0	83,0	80,4	83,0	-	-
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92,4	93,6	93,0	93,6	-	-
16	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	57,25	60,5	59,5	60,5	-	-
	Trong đó: Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	86,8	90,9	88,0	90,9	-	-
17	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả)	%	37,3	37,3	37,3	37,3	-	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Trên cơ sở xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo 6 tháng cuối năm 2018; Báo cáo thẩm tra của các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. HĐND tỉnh thống nhất nhận định: Năm 2018 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020. Bám sát nghị quyết của Chính phủ và các nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh đã ban hành, đề xuất ban hành các chính sách và chỉ đạo quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, tinh giản biên chế; đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh đồng thuận, đổi mới sáng tạo và hành động quyết liệt. Do vậy kinh tế - xã hội của tỉnh 6 tháng đầu năm 2018 đạt được nhiều kết quả nổi bật trên hầu hết các lĩnh vực, tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt cao nhất từ trước đến nay, ước đạt 13,3%, trong đó, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, công nghiệp xây dựng tăng 21,6%, dịch vụ tăng 6,8%.

Môi trường sản xuất kinh doanh được cải thiện tạo niềm tin giúp các doanh nghiệp sản xuất ổn định, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng cao. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, tốc độ tăng trưởng đạt cao hơn cùng kỳ. Giá trị xuất nhập khẩu, dư nợ tín dụng tăng trưởng khá; thu ngân sách nhà nước tăng mạnh. Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, môi trường được quan tâm. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo việc làm, văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông đạt nhiều kết quả tích cực; đời sống của người dân ngày càng được cải thiện. Cải cách hành chính được tập trung chỉ đạo, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực ngày càng được nâng lên. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được duy trì ổn định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm vẫn còn những khó khăn, hạn chế, đó là: Tính bền vững của sản

xuất công nghiệp chưa cao, ngày càng phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI. Doanh nghiệp trong nước chưa tham gia được vào chuỗi sản xuất của các doanh nghiệp FDI. Các ngành dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Việc tích tụ đất đai, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để đầu tư sản xuất nông nghiệp công nghệ cao với quy mô lớn còn gặp nhiều khó khăn. Nợ đọng thuế được quan tâm xử lý quyết liệt song vẫn tăng cao. Hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp chưa đồng bộ. Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh chưa được cải thiện nhiều. Công tác quản lý cấp phép xây dựng, vật liệu xây dựng còn hạn chế. Tiến độ cấp đổi giấy chứng nhận cho các hộ gia đình và giấy chứng nhận sau dồn điền đổi thửa còn chậm. Việc quản lý quỹ đất công ích tại một số địa phương còn buông lỏng. Vệ sinh môi trường nông thôn chuyển biến chậm; tồn lưu rác thải trên địa giáp ranh ở một số địa phương chưa được giải quyết triệt để. Việc xả thải vi phạm quy định về môi trường diễn biến phức tạp. Công tác quản lý, giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống... cho học sinh ở một số đơn vị hiệu quả chưa cao. Công tác xã hội hóa y tế tiến độ chậm, chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét. Chất lượng khám chữa bệnh ở một số cơ sở còn hạn chế. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" còn hình thức, hiệu quả chưa cao. Chất lượng tham mưu, kiểm tra, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản trình Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh còn hạn chế. Chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số huyện, thành phố còn thấp. Việc tuyên truyền phổ biến và thực thi pháp luật hiệu quả chưa cao. Số đoàn khiếu kiện đông người, số đơn, thư vượt cấp tăng. Tình hình an ninh nông thôn, phạm pháp hình sự diễn biến phức tạp. Công tác quản lý hành lang an toàn giao thông gặp nhiều khó khăn. Tai nạn giao thông tăng hơn cùng kỳ.

Điều 2. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 đã đề ra, Hội đồng nhân dân tỉnh nhân mạnh một số nhiệm vụ chủ yếu cần tập trung thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2018, cụ thể như sau:

1. Tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến đối với những ngành, lĩnh vực kết quả còn đạt thấp, phấn đấu cao nhất để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Hoàn thiện các báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và các báo cáo sơ kết việc thực hiện các Nghị quyết, đề án chuyên đề của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2015-2020.

2. Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển sản xuất. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của thị trường, kịp thời khuyến cáo người dân phát triển các loại cây trồng và quy mô đàn vật nuôi hợp lý. Tập trung cao cho công tác bảo vệ rừng. Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện các sự cố về đê điều, đề xuất các phương án phòng tránh, xử lý khắc phục sự cố. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Hoàn thành việc rà soát, đánh giá các dự án đầu tư và triển khai xây dựng Đề án nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển mạnh về số lượng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động

của doanh nghiệp tư nhân, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khuyến khích các hộ kinh doanh cá thể chuyển sang thành lập doanh nghiệp.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách; tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng số thu ngân sách.

Tập trung chỉ đạo, hỗ trợ, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư theo hình thức BT đang triển khai. Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư triển khai một số dự án BT trọng điểm mới. Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư công trọng điểm của tỉnh. Đẩy mạnh việc hỗ trợ cứng hóa đường giao thông nông thôn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý, ngăn chặn hiệu quả các vi phạm trật tự xây dựng.

Triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi, di dời theo quy hoạch đô thị đối với một số diện tích đất do các tổ chức kinh tế đang sử dụng trên địa bàn thành phố Bắc Giang, giai đoạn 2018-2025; cho phép chuyển mục đích sử dụng đối với 25 thửa đất do 19 doanh nghiệp đang quản lý (*có danh mục các khu đất dự kiến chuyển mục đích kèm theo*).

5. Tiếp tục phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục và đào tạo, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm. Tổ chức tốt các hoạt động sinh hoạt hè cho trẻ em đảm bảo an toàn, lành mạnh. Triển khai hiệu quả kế hoạch về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, phát triển kỹ thuật cao, năng lực giám sát, phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các cơ sở y tế công lập. Tăng cường kiểm tra hoạt động của các cơ sở y, dược ngoài công lập, việc sử dụng thuốc trong khám, chữa bệnh.

Đẩy mạnh công tác thu, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đồng thời tăng cường xử lý nợ đọng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Nâng cao chất lượng dự báo nhu cầu lao động của các doanh nghiệp. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng, hiệu quả các đề tài, dự án khoa học và công nghệ nhất là các dự án có khả năng ứng dụng và nhân rộng. Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 ở cấp huyện; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kế hoạch. Hoàn thành các thủ tục để sớm triển khai đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải bằng công nghệ cao tại thành phố Bắc Giang. Hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án khắc phục ô nhiễm môi trường làng nghề nấu rượu truyền thống Vân Hà, huyện Việt Yên. Kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, gắn với công tác hậu kiểm, hạn chế tình trạng vi phạm, gây ô nhiễm môi trường. Giải quyết dứt điểm tình trạng khai thác, tập kết đất đá, cát, sỏi trái phép.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành. Triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả. Xây dựng quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Triển khai mạnh mẽ, toàn diện

công tác cải cách hành chính; đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin. Xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện. Đề cao trách nhiệm giải trình và trách nhiệm của người đứng đầu, của cán bộ, công chức. Tăng cường thanh tra công vụ, kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, những nhiễu, tiêu cực, lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí, có thái độ cửa quyền đối với người dân và doanh nghiệp.

8. Tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh, giải quyết kịp thời các vụ việc, mâu thuẫn mới phát sinh ngay tại cơ sở. Xử lý dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 26/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tăng cường tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông; thống kê đầy đủ, chính xác số vụ tai nạn giao thông. Tiếp tục siết chặt kiểm soát trọng tải phương tiện, chấm dứt tình trạng xe ô tô coi nói thành thùng trái phép, chở hàng quá khổ, quá tải. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống cháy, nổ.

9. Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện. Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Tăng cường quản lý nhà nước về báo chí, cung cấp đầy đủ kịp thời, chính xác thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng, Nhà nước và những vấn đề dư luận quan tâm.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh Khoá XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lưu: VT, THTT.

Bản điện tử:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DỰ KIẾN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TỪ ĐẤT CHO THUÊ SANG ĐẤT Ờ, ĐẤT CÔNG TRÌNH HỖN HỢP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2018-2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày 7/2018 của HĐND tỉnh)

STT	Tên đơn vị, tổ chức sử dụng đất	Tình hình quản lý, sử dụng đất			Quy hoạch đô thị
		Địa chỉ thửa đất	Hiện trạng sử dụng đất	Thời hạn thuê đất	
1	Công ty CP Cảng Hà Bắc				
	Thửa 1	Số 62, đường Á Lữ, phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh (Xây dựng văn phòng công ty)	Từ 21/11/2008 đến 15/9/2048	Đất công trình hỗn hợp cao tầng
2	Công ty CP lương thực Hà Bắc (51% vốn Nhà nước)				
2.1	Thửa đất số 1	Phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Đến 27/12/2039	Đất ờ
2.2	Thửa đất số 2	Đường Tân Ninh, phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Đến 21/7/2039	Đất ờ
2.3	Thửa đất số 3	Đường Lý Thái Tổ, phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Đến 27/9/2025	Đất ờ
2.4	Thửa đất số 4	Khu ki ốt bán lẻ đường Á Lữ, phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	2039	Đất ờ
3	DNTN chăn nuôi Hoàng Hưng	Cụm Tân Mai, phường Đa Mai (gần trạm đăng kiểm xe ô tô)		50 năm kể từ 2003	Đất ờ
4	Công ty CP Thuốc lá và thực phẩm Bắc Giang (vốn Nhà nước chiếm 45%)	Số 3, đường Lý Thái Tổ, Phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Từ tháng 7/1998 đến 7/2028	Đất ờ
5	Công ty CP thương mại tổng hợp Bắc Giang (vốn nhà nước chiếm 40%)				
5.1	Thửa 1	Đường Xương Giang, phường Trần Phú	Xây dựng	Đến tháng 12/2038	Đất công trình hỗn hợp cao tầng
5.2	Thửa 2	Phường Ngô Quyền	Xây dựng	Đến tháng 12/2038	Đất ờ
5.3	Thửa 3	Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương	Xây dựng	Đến tháng 12/2038	Đất ờ
6	Công ty CP Vật tư tổng hợp Bắc Giang				
6.1	Thửa 1	Số 37, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Từ 18/11/2005 đến 18/11/2045	Đất ờ
6.2	Thửa 2	Tổ dân phố 4A, phường Trần Nguyên Hãn	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đến 18/11/2045	Đất ờ
7	Công ty CP thương mại Bắc Giang				
	Thửa 2	Tổ 4A, đầu đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn	Xây dựng nhà, công trình SXKD, DVTM và trụ sở làm việc	Đến tháng 01/2052	Đất ờ
8	Công ty Cổ phần Du lịch Bắc Giang				
8,1	Thửa 1	Đường Nguyễn Thị Lưu, TP Bắc Giang	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Từ 08/6/2006 đến 08/6/2051	Đất công trình hỗn hợp cao tầng
8,2	Thửa 2	Đường Trần Nguyên Hãn, TP Bắc Giang	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Từ 08/6/2006 đến 08/6/2051	Đất ờ
9	Công ty CP vật liệu xây dựng và chất đốt Bắc Giang	Số 2, đường Lý Thái Tổ, phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Từ 23/6/2006 đến 23/6/2046	Đất công trình hỗn hợp cao tầng
10	Công ty CP điện cơ Việt Đức	Số 10, đường Xương Giang, phường Trần Phú	Xây dựng	Đến tháng 2 năm 2053	Đất công trình hỗn hợp cao tầng
11	Công ty TNHH Thuận Phát	Khu Công Ngóc, đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương	Đất sản xuất, kinh doanh	Từ 24/4/2003-24/4/2033	Đất ờ
13	Công ty TNHH Bắc Hà	Thửa 18, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Ngô Quyền	Đất sản xuất, kinh doanh		Đất ờ
14	Trụ sở Hạt quản lý đường bộ thành phố thuộc Công ty cổ phần đường bộ Bắc Giang (Vốn Nhà nước chiếm 34%)	Thửa 34, đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Ngô Quyền	Đất sản xuất, kinh doanh		Đất ờ

STT	Tên đơn vị, tổ chức sử dụng đất	Tình hình quản lý, sử dụng đất			Quy hoạch đô thị
		Địa chỉ thửa đất	Hiện trạng sử dụng đất	Thời hạn thuê đất	
15	Công ty cổ phần Hương Giang	Đường Nguyễn Văn Cừ, phường Lê Lợi	Đất thương mại dịch vụ	22/02/2051	Đất ở
16	Công ty TNHH Hưng Thịnh	Số 158, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Lê Lợi	Đất chuyên dùng (sản xuất công nghiệp)	4/2019	Đất ở
17	Công ty cổ phần HaBaDa	Số 80, đường Lý Thái Tổ, phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	837m2 cho thuê đến 06/01/2026; 9.658m2 cho thuê đến 16/5/2025	Đất ở
18	Xí nghiệp kim cơ khí vật liệu xây dựng Thành Phát	Đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Nguyên Hãn	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	807m2 cho thuê đến 4/2029; 4347,1m2 cho thuê đến 23/6/2059	Đất ở
19	Công ty cổ phần bê tông Bắc Giang	Đường Đàm Thận Huy, phường Trần Phú	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	8/2027	Đất ở